

Số: /QĐ-UBND

Bắc Sơn, ngày tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt quyết toán hoàn thành công trình: Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc UBND xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND huyện Bắc Sơn về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc UBND xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND huyện Bắc Sơn về việc điều chỉnh bổ sung báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc UBND xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (lần 01);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo thẩm tra số 242/BC-PTCKH ngày 12 tháng 9 năm 2024,

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc UBND xã Bắc Quỳnh, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bắc Sơn.
- Địa điểm xây dựng: xã Long Đống
- Thời gian khởi công (thực tế): 2023; Hoàn thành (thực tế): 2024.

#### Điều 2. Kết quả đầu tư:

- Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
---------	----------	---	-----------------------------------

	[1]	[2]	[3]
	<b>Tổng số</b>	<b>1.799.758.131</b>	<b>1.700.647.000</b>
1	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC	0	0
2	Chi phí xây dựng	1.450.547.793	1.450.546.000
3	Chi phí thiết bị		
4	Chi phí quản lý dự án	49.854.340	45.441.000
5	Chi phí tư vấn ĐTXD:	191.602.349	183.671.000
6	Chi phí khác:	22.902.022	20.989.000
7	Chi phí dự phòng:	84.851.628	0

**2. Vốn đầu tư:**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
	[1]	[3]	[4]			[5]
	<b>Tổng số</b>	<b>1.799.758.131</b>	<b>1.700.647.000</b>	<b>220.000.000</b>	<b>1.480.647.000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư công</b>	<b>1.799.758.131</b>	<b>1.700.647.000</b>	<b>220.000.000</b>	<b>1.480.647.000</b>	
<b>1.1</b>	<b>Vốn ngân sách nhà nước</b>	<b>1.799.758.131</b>	<b>1.700.647.000</b>	<b>220.000.000</b>	<b>1.480.647.000</b>	
-	Vốn ngân sách huyện	1.799.758.131	1.700.647.000	220.000.000	1.480.647.000	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập danh đề đầu tư theo quy định của pháp luật					
<b>2</b>	<b>Vốn khác</b>					
2.1	Nhân dân đóng góp					

*Hạch toán vào giá trị công trình để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước*

**3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
<b>Tổng số</b>			<b>1.700.647.000</b>	
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định).			1.700.647.000	
2. Tài sản ngắn hạn			0	

**4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản.**

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân Bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

**5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.****Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

	<b>Nguồn</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>[1]</b>	<b>[2]</b>	<b>[3]</b>
	<b>Tổng số</b>	<b>1.700.647.000</b>	
1	Vốn đầu tư công	1.700.647.000	
+	Vốn ngân sách huyện	1.700.647.000	
2	Vốn khác	<b>0</b>	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 10/5/2024 là: 1.480.647.000 đồng.

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 1.480.647.000 đồng.

Các khoản phải thu, phải trả của từng đơn vị, cá nhân được chi tiết tại phụ lục kèm theo.

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:**

Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

<b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>	<b>Tài sản dài hạn/cố định</b>	<b>Tài sản lưu động</b>
UBND xã Bắc Quỳnh	<b>1.700.647.000</b>	0

**Điều 4:** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng huyện, các Giám đốc: Kho bạc Nhà nước, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Chủ tịch UBND xã Bắc Quỳnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT UBND huyện;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lộc Quang Hoà**